

Bản án số: 418/2025/HC-PT

Ngày: 14 - 4 - 2025

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý Nhà nước trong
lĩnh vực đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Tiểu Phương Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 1333/2024/TLPT-HC ngày 24 tháng 12 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 420/2024/HC-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 411/2025/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Bà Tôn Nữ Thị T, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: Số F, khu phố G, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H;

Địa chỉ: A L, thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T1 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Bà Đinh Thụy Hồng C - Phó Trưởng Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị huyện H (có mặt).

2. Ủy ban nhân dân huyện H (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: A L, thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ủy ban nhân dân xã B, huyện H;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chí L - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 1 P, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Tôn Nữ Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Tôn Nữ Thị T trình bày:

Ngày 24/8/2020 Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bản án số 431/2020/HC-PT bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Tôn Nữ Thị T về việc hủy Quyết định số 341/QĐ-XPVPHC ngày 08/04/2016, Quyết định số 342/QĐ-XPVPHC ngày 08/04/2016, Quyết định số 310/QĐ-CC ngày 09/6/2016, Quyết định số 323/QĐ-CC ngày 16/06/2016, Quyết định số 128/QĐ-TT ngày 06/9/2016 của Chánh Thanh tra Sở Xây dựng Thành phố H, Quyết định số 5201/QĐ-CC ngày 06/9/2016, Quyết định số 5103/QĐ-CC ngày 24/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, Thông báo số 721/TB-UBND ngày 01/9/2017, Thông báo số 722/TB-UBND ngày 01/9/2017 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện H.

Từ đó đến nay Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H không đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện Quyết định cưỡng chế số 5201/QĐ-CC ngày 06/9/2016 và Quyết định số 5103/QĐ-CC ngày 24/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H. Ủy ban nhân dân xã B, huyện H cũng không đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố thực hiện Thông báo số 721/TB-UBND ngày 01/9/2017 và Thông báo số 722/TB-UBND ngày 01/09/2017 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 312 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 là đã hết thời hiệu để thi hành đối với Bản án số 431/2020/HC-PT ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2023 do đã hết thời hiệu để thi hành bản án nên bà đã cho ông Tôn Thất H và ông Tạ Quang N thuê nhà và sửa chữa toàn bộ căn nhà tại số A ấp T, xã B huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 4615/QĐ-UBND ngày 12/9/2023 phê duyệt phương án phá dỡ công trình, phần công trình vi phạm trật tự xây dựng đối với công trình vi phạm tại thửa đất số 137 và 799, tờ bản đồ số 51 (TL 2005), bản đồ địa chính xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 4616/QĐ-UBND ngày 12/9/2023 phê duyệt phương án phá dỡ công trình, phần công trình vi phạm trật tự xây dựng đối với công trình vi phạm tại thửa đất số 137, tờ bản đồ số 51 (TL 2005), bản đồ địa chính xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh mà không có quyết định của Tòa án đã xét xử sơ thẩm buộc thi hành bản án quyết định theo khoản 1 Điều 312 Luật Tổ tụng hành chính là trái quy định pháp luật.

Ngày 15/4/2024 Ủy ban nhân dân xã B, huyện H ban hành Thông báo số 914/TB-UBND/TB-UBND về việc thực hiện quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Tại nội dung Đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2023, 29/01/2024 và ngày 22/02/2024, bà T khởi kiện yêu cầu hủy Thông báo số 2537/TB-UBND ngày 20/10/2023 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện H; Thông báo số 2780/TB-UBND ngày 03/11/2023 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện H; Quyết định 4615, Quyết định 4616/QĐ-UBND.

Theo nội dung Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 11/7/2024 và ngày 24/7/2024, bà T khởi kiện yêu cầu hủy Thông báo số 914/TB-UBND và yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện H và Ủy ban nhân dân xã B, huyện H phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho bà số tiền là 500.000.000 đồng.

Bà T đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về hủy Thông báo số 2537/TB-UBND ngày 20/10/2023 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện H về việc thực hiện quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Thông báo số 2780/TB-UBND ngày 03/11/2023 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện H về việc điều chỉnh thời gian thực hiện quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Nay bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về hủy Quyết định 4615/QĐ-UBND, Quyết định 4616/QĐ-UBND, Thông báo số 914/TB-UBND và yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện H và Ủy ban nhân dân xã B, huyện H phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho bà số tiền là 500.000.000 đồng.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H và Ủy ban nhân dân huyện H có văn bản trình bày:

1. Đối với Quyết định số 4615/QĐ-UBND:

Ngày 16/06/2016 Chánh thanh tra Sở Xây dựng Thành phố H ban hành Quyết định số 323/QĐ-CC việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt hành chính. Trên cơ sở đó, Chủ tịch Ủy ban nhân huyện ban hành Quyết định số 5201/QĐ-CC ngày 06/09/2016 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng tại thửa đất số 137 và thửa đất 799 tờ bản đồ số 51(TL2005) bản đồ địa chính xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Tôn Nữ Thị T làm chủ đầu tư.

2. Đối với Quyết định số 4616/QĐ-UBND:

Ngày 09/6/2016 Chánh thanh tra Sở Xây dựng Thành phố H ban hành Quyết định số 310/QĐ-CC việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt hành chính. Trên cơ sở đó, Chủ tịch Ủy ban nhân huyện ban hành Quyết định số 5103/QĐ-CC ngày 24/08/2016 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng tại thửa đất số 137 tờ bản đồ số 51(TL2005) bản đồ địa chính xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Tôn Nữ Thị T làm chủ đầu tư.

Để bảo đảm an toàn, bảo vệ môi trường trong quá trình phá dỡ Ủy ban nhân dân huyện H giao Ủy ban nhân dân xã B thuê đơn vị tư vấn có năng lực lập Phương án phá dỡ công trình, đồng thời giao Phòng Quản lý đô thị tham mưu thẩm định và trình phê duyệt phương án phá dỡ công trình, phân công trình vi phạm xây dựng theo quy định (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 118 Luật Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng).

Về thẩm quyền phê duyệt phương án phá dỡ công trình:

Căn cứ Quyết định số 3580/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phân công nhiệm vụ tổ chức thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Tại khoản 1.2.4 Mục 1 Điều 1 có quy định: *Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm “Lập kế hoạch chi tiết về việc cưỡng chế tháo dỡ theo phương án, giải pháp tháo dỡ đã được phê duyệt và tổ chức thực hiện cưỡng chế tháo dỡ công trình, bộ phận công trình; chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan, tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội bảo đảm an toàn, giữ gìn an ninh trật tự trong quá trình tổ chức cưỡng chế tháo dỡ công trình vi phạm”.*

Căn cứ điểm h khoản 1 Điều 8 Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 02/12/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về ban hành Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh quy định trách nhiệm, nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Ngày 28/11/2023, Sở Xây dựng có Văn bản số 18492/SXD-QLCLXD về việc lập, thẩm tra, phê duyệt thiết kế phương án, giải pháp phá dỡ công trình, phân công trình vi phạm trật tự xây dựng; hướng dẫn về công tác lập, thẩm tra, phê

duyet thiết kế phương án, giải pháp phá dỡ công trình, phần công trình vi phạm trật tự xây dựng.

Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 4615/QĐ-UBND và Quyết định số 4616/QĐ-UBND là đúng quy định.

Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên nội dung Quyết định số 4615/QĐ-UBND và Quyết định số 4616/QĐ-UBND và bác toàn bộ nội dung yêu cầu của người khởi kiện.

Hiện tại do bà T đã tự nguyện tháo dỡ 90% công trình vi phạm nên Ủy ban nhân dân huyện H có Văn bản số 2488/UBND-QLĐT ngày 23/5/2024 về tạm hoãn tổ chức thực hiện cưỡng chế công trình vi phạm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 420/2024/HC-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Tôn Nữ Thị T về yêu cầu hủy Quyết định số 4615/QĐ-UBND ngày 12/9/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H phê duyệt phương án phá dỡ công trình, phần công trình vi phạm trật tự xây dựng đối với công trình vi phạm tại thửa đất số 137 và 799, tờ bản đồ số 51 (TL 2005), bản đồ địa chính xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 4616/QĐ-UBND ngày 12/9/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H phê duyệt phương án phá dỡ công trình, phần công trình vi phạm trật tự xây dựng đối với công trình vi phạm tại thửa đất số 137, tờ bản đồ số 51 (TL 2005), bản đồ địa chính xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; Thông báo số 914/TB-UBND/TB-UBND ngày 15/4/2024 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện H về việc thực hiện Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện H và Ủy ban nhân dân xã B, huyện H phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho bà số tiền là 500.000.000 đồng do ban hành quyết định hành chính trái quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định, người khởi kiện bà Tôn Nữ Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Tôn Nữ Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và nội dung đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Người bị kiện xin xét xử vắng mặt. Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện giữ nguyên nội dung đã nêu, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Người khởi kiện có kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Tôn Nữ Thị T làm trong hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự thủ tục:

Căn cứ khoản 1,2,3 Mục 1 Điều 1 Quyết định số 3580/QĐ-UBND ngày 21/08/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phân công nhiệm vụ tổ chức thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; điểm h khoản 1 Mục 1 Điều 8 Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 02/12/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh quy định trách nhiệm, nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 4615/QĐ-UBND và Quyết định số 4616/QĐ-UBND là đúng quy định pháp luật.

[2.2] Về nội dung Quyết định số 4615/QĐ-UBND và 4616/QĐ-UBND:

[2.2.1] Ngày 09/6/2016 Chánh Thanh tra Sở Xây dựng Thành phố H ban hành Quyết định số 310/QĐ-CC về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt hành chính. Ngày 24/8/2016 Chủ tịch Ủy ban nhân huyện H ban hành Quyết định số 5103/QĐ-CC về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng tại thửa đất số 137 tờ bản đồ số 51 (TL2005) bản đồ địa chính xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Tôn Nữ Thị T làm chủ đầu tư.

Ngày 16/6/2016 Chánh Thanh tra Sở Xây dựng Thành phố H ban hành Quyết định số 323/QĐ-CC việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt hành chính. Ngày 06/9/2016 Chủ tịch Ủy ban nhân huyện H ban hành Quyết định số 5201/QĐ-CC về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng tại thửa đất số 137 và thửa đất 799 tờ bản đồ số 51 (TL2005) bản đồ địa chính xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Tôn Nữ Thị T làm chủ đầu tư.

Bà T đã khởi kiện yêu cầu xem xét các quyết định trên và đã được giải quyết theo Bản án số 431/2020/HC-PT ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, theo đó đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

[2.2.2] Căn cứ quy định tại khoản 1.2.4 Mục 1 Điều 1 Quyết định số 3580/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phân công nhiệm vụ tổ chức thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; điểm h khoản 1 Điều 8 Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 02/12/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về ban hành Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh quy định trách nhiệm, nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện; văn bản số 18492/SXD- QLCLXD ngày 28/11/2023 của Sở Xây dựng về việc lập, thẩm tra, phê duyệt thiết kế phương án, giải pháp phá dỡ công trình, phần công trình vi phạm trật tự xây dựng; hướng dẫn về công tác lập, thẩm tra, phê duyệt thiết kế phương án, giải pháp phá dỡ công trình, phần công trình vi phạm trật tự xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân huyện H ban hành Quyết định số 4615/QĐ-UBND, Quyết định số 4616/QĐ-UBND và giao Ủy ban nhân dân xã B, huyện H ban hành Thông báo số 914/TB-UBND về việc thực hiện quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng quy định pháp luật.

[2.2.3] Bà T cho rằng sau khi Bản án số 431/2020/HC-PT ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực pháp luật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H và Ủy ban nhân dân xã B, huyện H không đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện thi hành theo Bản án số 431/2020 /HC-PT ngày 24/08/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là đã hết thời hiệu để thi hành bản án trên theo quy định tại Điều 311 và Điều 312 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

Xét thấy, tại điểm a khoản 1 Điều 311 Luật Tổ tụng hành chính quy định: *“Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện quyết định hành chính thì các bên đương sự phải tiếp tục thi hành quyết định hành chính”*. Do vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H không cần phải

yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện theo Bản án 431/2020/HC-PT ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Mặt khác, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 311 Luật Tố tụng hành chính thì người phải thi hành án phải thi hành bản án, quyết định của Tòa án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án, quyết định của Tòa án, nhưng bà T đã không thực hiện nghĩa vụ cho đến khi nhận được Thông báo số 914/TB-UBND về việc thực hiện Quyết định cưỡng chế thì bà T có đơn cam kết thực hiện Quyết định số 4615/QĐ-UBND, Quyết định số 4616/QĐ-UBND. Tại phiên tòa sơ thẩm, các bên đương sự thừa nhận bà T đã tự nguyện tháo dỡ 90% công trình vi phạm nên Ủy ban nhân dân huyện H có Văn bản số 2488/UBND-QLĐT ngày 23/5/2024 về tạm hoãn tổ chức thực hiện cưỡng chế công trình vi phạm. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà T về việc đề nghị hủy các Quyết định số 4615/QĐ-UBND, Quyết định số 4616/QĐ-UBND và Thông báo số 914/TB-UBND là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2.4] Đối với yêu cầu khởi kiện về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện H và Ủy ban nhân dân xã B, huyện H phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho bà số tiền là 500.000.000 đồng do ban hành các quyết định bị kiện trái quy định pháp luật. Tuy nhiên, theo nội dung nhận định nêu trên thì các quyết định hành chính bị kiện được ban hành đúng quy định pháp luật và bà T không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do vậy, yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà T là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Người khởi kiện có kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Tôn Nữ Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Tôn Nữ Thị T, sinh năm 1962 là đối tượng người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Áp dụng Điều 28, Điều 57, khoản 2 Điều 66, Điều 68, Điều 86, Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính

năm 2012; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Tôn Nữ Thị T.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 420/2024/HC-ST ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Tôn Nữ Thị T về việc:

- Hủy Quyết định số 4615/QĐ-UBND ngày 12/9/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H phê duyệt phương án phá dỡ công trình, phần công trình vi phạm trật tự xây dựng đối với công trình vi phạm tại thửa đất số 137 và 799, tờ bản đồ số 51 (TL 2005), bản đồ địa chính xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Hủy Quyết định số 4616/QĐ-UBND ngày 12/9/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H phê duyệt phương án phá dỡ công trình, phần công trình vi phạm trật tự xây dựng đối với công trình vi phạm tại thửa đất số 137, tờ bản đồ số 51 (TL 2005), bản đồ địa chính xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Hủy Thông báo số 914/TB-UBND ngày 15/4/2024 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện H về việc thực hiện Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện H và Ủy ban nhân dân xã B, huyện H phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho bà số tiền là 500.000.000 đồng do ban hành quyết định hành chính trái quy định pháp luật.

2. Án phí hành chính: Bà Tôn Nữ Thị T được miễn án phí hành chính sơ thẩm và được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồ Tâm Tú

Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Nguyễn Đắc Minh